

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS-PT

Ngày: 23-4-2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Khánh Thành là Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát Viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2020/DS-ST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 04/2021/QĐ-PT ngày 26/01/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm số 198/TB-TA ngày 06/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Tường V, sinh năm 1991

Trú tại: 100 Nguyễn Trung T, thị trấn D, huyện D, tỉnh L (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1969

Cùng trú tại: 42 Lương Thế V, thị trấn D, huyện D, tỉnh D (ông T có mặt, bà T1 vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện Di Linh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức C – Chủ tịch (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962

Trú tại: 100 Nguyễn Trung T, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh L (có mặt)

+ Anh Dương Minh T, sinh năm 1990

Trú tại: 100 Nguyễn Trung T, thị trấn D, huyện D, tỉnh L (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị Tường V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Minh T (chồng chị V) tham gia tố tụng với bên nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng anh, chị có diện tích đất 195m² tại thửa 105, tờ bản đồ số 18, thị trấn Di Linh, nguồn gốc diện tích đất này do bà Nguyễn Thị T2 tặng cho năm năm 2014 được Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04-7-2014, liền kề với đất của anh, chị là đất của vợ chồng ông T, bà T1 thuộc thửa 104, tờ bản đồ số 18, thị trấn Di Linh. Quá trình sử dụng vợ chồng ông T, bà T1 đã lấn sang đất của anh, chị 21,5m² tại vị trí chiều ngang giáp đường Lương Thế Vinh 0,7m, chiều ngang phía sau là 2,0m.

Nay anh, chị yêu cầu vợ chồng ông T, bà T1 trả lại cho anh, chị diện tích đất 21,5m² tại vị trí chiều ngang giáp đường Lương Thế Vinh 0,7m, chiều ngang phía sau là 2,0m thuộc một phần thửa 105, tờ bản đồ 18 thị trấn Di Linh.

Về giá trị cây trồng trên đất vợ chồng anh, chị đồng ý thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Bá T theo kết quả định giá là 3.105.000 đồng.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Vợ chồng ông, bà có diện tích 84m² tại thửa 104, tờ bản đồ số 18, thị trấn Di Linh, nguồn gốc diện tích đất này do ông, bà mua của cụ Chắt ngày 28-3-2001 có chiều ngang 10m, dài 14m, đến ngày 15-6-2011 vợ chồng ông, bà được Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 914361 ngày 15-6-2011 với diện tích đất nông nghiệp là 84m². Vợ chồng ông, bà chuyển đổi mục đích sử dụng nên được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 970755 với diện tích đất ở là 70m², và diện tích đất nông nghiệp là 14m². Quá trình sử dụng vợ chồng ông, bà sử dụng từ khi mua cho đến nay chứ không lấn đất của chị V. Nay vợ chồng chị V, anh Tú yêu cầu vợ chồng ông, bà trả lại diện tích đất 21,5m² tại vị trí chiều ngang giáp đường Lương Thế Vinh 0,7m, chiều ngang phía sau là 2,0m tại một phần thửa 105, tờ bản đồ 18 thị trấn Di Linh thì ông, bà không đồng ý.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Di Linh xác định:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 060799 được Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 08 tháng 12 năm 2006 đứng tên Nguyễn Thị T2 cấp đúng theo trình tự quy định của Luật đất đai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 914361 được Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 28 tháng 7 năm 2011 đứng tên Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị T1 theo trình tự quy định của Luật đất đai đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết theo quy định.

Bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Thửa đất 105 tờ bản đồ 18, thị trấn Di Linh có nguồn gốc từ cụ Trần Thị Chắt, sau đó cụ Chắt cho bà Phương, bà Phương chuyển nhượng cho bà Út (đã chết), ngày 27-8-1994 bà Út lập giấy tay bán cho ông Dương Kim Miêu (chồng của bà, cha của chị V) đến năm 1999 thì ông Miêu chết. Năm 2006 bà đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 060799 do Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 08 tháng 12 năm 2006 đứng tên Nguyễn Thị T2, sau đó bà tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho con gái là chị V. Về tranh chấp quyền sử dụng đất giữa chị V với vợ chồng ông T, bà T1 là do trước đây bà chưa sử dụng đất nên vợ chồng ông T, bà T1 lập hàng rào lấn sang và bà yêu cầu vợ chồng ông T, bà T1 tháo dỡ hàng rào để trả đất nhưng không thực hiện và bà có khởi kiện tại Ủy ban nhân dân thị trấn Di Linh giải quyết. Nay anh Tú, chị V yêu cầu vợ chồng ông T, bà T1 trả lại diện tích đất 21,5m² tại vị trí chiều ngang giáp đường Lương Thế Vinh 0,7m, chiều ngang phía sau là 2,0m tại một phần thửa 105, tờ bản đồ 18 thị trấn Di Linh và thanh toán giá trị cây trồng cho vợ chồng ông T, bà T1 3.015.000 đồng thì bà đồng ý với yêu cầu của vợ chồng chị V, anh Tú.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 55/2020/DSST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Tường V buộc vợ chồng ông T, bà T1 trả lại phần diện tích đất lấn chiếm có diện tích đất 21,5m² trong đó có 5,5m² đất lộ giới tại vị trí chiều ngang giáp đường Lương Thế Vinh 0,7m, chiều ngang phía sau là 2,0m tại một phần thửa 105, tờ bản đồ 18 thị trấn Di Linh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/11/2020 bị đơn ông Nguyễn Bá T kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên kháng cáo và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bá T giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 55/2020/DSST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát Viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá T trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Bá T đề nghị xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T1 với lý do bà T1 bị ốm không thể tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, căn cứ Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Tường V yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Thị T1 trả lại diện tích đất 21,5m² thuộc một phần thửa 105, tờ bản đồ 18 thị trấn Di Linh đã lấn chiếm của anh chị; bị đơn ông T bà T1 không đồng ý trả nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án và kháng cáo của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp: Theo hồ sơ thể hiện thì các thửa đất 104, 105 tờ bản đồ 18, tọa lạc tại tổ 16, thị trấn Di Linh (có nguồn gốc của cụ Trần Thị Chắt) được tách ra từ thửa số 01, tờ bản đồ 18 do văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thực hiện ngày 23-11-2006, trong đó thửa 105 có diện tích là 195m² (đã trừ lộ giới). Sau đó cụ Chắt cho con gái là bà Phương, bà Phương chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị U (đã chết), ngày 27-8-1994 bà Ú

lập giấy tay bán cho ông Dương Kim Miêu (cha của chị V) năm 1999 ông Miêu chết. Ngày 10-10-2006 bà Nguyễn Thị T2 (vợ ông Miêu) đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng và ngày 08/12/2006 được Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 060799 cấp cho bà Nguyễn Thị T2 với diện tích 195m². Ngày 24-4-2014 bà T2 tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho con gái là chị V, theo Hợp đồng số 2456, quyền 3TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Di Linh công chứng ngày 24-4-2014. Ngày 02-7-2014 Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV058038 cho chị V với diện tích đất trên.

Đối với diện tích đất 84m² thuộc thửa 104, tờ bản đồ 18 được cụ Chắt lập giấy tay chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà T1 vào ngày 28-3-2001 có chiều ngang là 10m dài 14m, có xác định tứ cận cụ thể, sau khi trừ phần lộ giới thì vợ chồng ông T, bà T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 914361 ngày 15-6-2011 với diện tích là 84m² đất nông nghiệp, sau đó do gia đình có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng nên vợ chồng ông T, bà T1 được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 970755 ngày 15-9-2011 với diện tích 70m² đất ở và 14m² đất nông nghiệp.

Theo họa đồ đo đạc của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện Di Linh thực hiện ngày 01/9/2019 và Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất của Công ty TNHH An Thịnh Lâm Đồng ngày 29/3/2021 thì phần đất tranh chấp có diện tích là 21,5m² trong đó 5,5m² đất lộ giới có chiều ngang mặt đường Lương Thế Vinh là 0,7m, mặt hậu 2,0m theo ranh bản đồ địa chính thì phần đất tranh chấp thuộc 1 phần thửa 105, phần đất thuộc thửa 104 mà ông T, bà T1 sử dụng sau khi trừ lộ giới là 81,9m², phần đất thửa 105 của chị V sau khi trừ lộ giới còn 163,1m².

Cũng theo họa đồ nêu trên thì phần đất gia đình ông T bà T1 đang sử dụng (trừ phần đất tranh chấp) có chiều ngang mặt đường Lương Thế Vinh là 10m chiều ngang, mặt hậu là 10m phù hợp với nội dung giấy sang nhượng đất giữa cụ Chắt và bà T1 ngày 28-3-2001 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mà vợ chồng ông T, bà T1 được Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp. Phần đất của vợ chồng ông T, bà T1 đang sử dụng có chiều ngang mặt tiền đường Lương Thế Vinh dôi ra (thừa) 0,7m, chiều ngang mặt hậu dôi ra (thừa) 2.0m so với phần đất được cấp. Trong khi đó diện tích đất của chị V thực tế đang quản lý sử dụng là 163,1m², ít hơn 39,1m² so với diện tích được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất thực tế của vợ chồng ông T, bà T1 đang quản lý sử dụng 81,9m², ít hơn 2,1m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do mở rộng hành lang lộ giới.

Xét về nguồn gốc thì thửa đất 105 được ông Miêu nhận chuyển nhượng của bà Út vào ngày 27-8-1994 và được Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24-11-2006; còn thửa đất 104 vợ chồng ông T, bà T1 nhận chuyển nhượng của cụ Chắt vào ngày 28-3-2001 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 15-6-2011. Xét về thời gian thì vợ chồng ông T, bà T1 nhận chuyển nhượng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 104 sau phần diện tích đất thửa 105 của vợ chồng ông Miêu, bà T2. Mặt khác, theo hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị T1 ngày 19/4/2011 do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Di Linh cung cấp thì ông T, bà T1 chỉ đăng ký với diện tích là 84m²; bên cạnh đó đối với phần diện tích đất mà ông T bà T1 đang sử dụng có một số cây mít, bơ, xoài... mà vợ chồng ông T trồng trên phần đất của mình thể hiện rõ từ hàng cây này ra, ông T lại rào một hàng rào bằng dây thép B40 cách phần đất nhà ông T là 70cm về phía trước (chiều ngang giáp đường Lương Thế Vinh) thể hiện có sự tôn tạo ranh giới không thống nhất và hiện nay phần đất gia đình ông T sử dụng cao hơn phần đất của chị V chưa sử dụng là phù hợp với thực tế hiện nay. Như vậy có cơ sở để khẳng định ông Nguyễn Bá T lấn chiếm 70cm chiều ngang mặt trước và mặt sau 2.0m là đúng.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Tường V buộc vợ chồng ông T, bà T1 trả lại phần diện tích đất lấn chiếm có diện tích 21,5m² trong đó có 5,5m² đất lộ giới tại vị trí chiều ngang giáp đường Lương Thế Vinh 0,7m, chiều ngang phía sau (mặt hậu) là 2,0m tại một phần thửa 105, tờ bản đồ 18 thị trấn Di Linh là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đúng quy định pháp luật.

[3.2] Đối với cây trồng trên đất gồm có 01 cây xoài, 02 cây bơ, 01 cây mít có trị giá theo kết quả định giá là 3.105.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm phía chị V, anh Tú đồng ý thanh toán lại giá trị cây trồng cho ông T, bà T1; xét đây là sự tự nguyện của đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Bá T đối với bản án dân sự sơ thẩm số 55/2020/DSST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tại giai đoạn sơ thẩm là 17.927.000 đồng (chị V đã quyết toán xong). Do yêu cầu khởi kiện của chị V được chấp nhận nên buộc vợ chồng ông T, bà T1 phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng này là có căn cứ.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại giai đoạn phúc thẩm là 7.196.0000 đồng. Do kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên buộc ông T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là có căn cứ (ông T đã quyết toán xong).

[6] Về án phí: Do kháng cáo của ông Nguyễn Bá T không được chấp nhận nên buộc ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Bá T. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 55/2020/DSST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Tường V buộc vợ chồng ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Thị T1 trả lại phần diện tích đất lấn chiếm có diện tích đất là 21,5m² trong đó có 5,5m² đất lộ giới tại vị trí chiều ngang giáp đường Lương Thế Vinh 0,7m, chiều ngang phía sau là 2,0m tại một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại thị trấn Di Linh, huyện Di Linh.

2. Vợ chồng chị Dương Thị Tường V, anh Dương Minh Tú có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Thị T1 giá trị cây trồng số tiền 3.105.000đ (ba triệu một trăm lẻ năm ngàn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị T1 phải trả số tiền 17.927.000đ (mười bảy triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn đồng) chi phí tố tụng cho chị Dương Thị Tường V.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Thị T1 chịu 5.825.000 (năm triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Vợ chồng chị Dương Thị Tường V, anh Dương Minh Tú chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2015/0004082 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí còn thừa cho chị V, anh Tú là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Bá T phải chịu số tiền 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số **AA/2017/0001660 ngày 11/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Phòng KTNV&THA;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Mạnh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Vân Nguyễn Văn Thanh

Đỗ Mạnh Hùng

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS TP Đà Lạt;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Mạnh Hùng